

Bản án số: 03 /2022/HNGĐ - ST

Ngày: 21/01/2022.

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TO.TP.HN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông NTH.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà NTN, cán bộ nghỉ hưu xã Cao Viên, huyện TO, Thành phố HN.

- Ông LHT, Cán bộ nghỉ hưu xã Tam Hưng, huyện TO, Thành phố HN.

- Thư ký phiên tòa: Ông LVC, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TO, Tp. HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO, Tp.HN.

Ông MLS – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TO - TP. HN xét xử công khai vụ án thụ lý số: 143/2021/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX - ST ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị NTH, tên gọi khác: không có, sinh năm 1990

Nơi sinh: Xóm L, TT, TC, TO, HN

ĐKNKTT: Thôn C, xã BM, huyện TO, HN.

Nghề nghiệp: Công nhân

Bị đơn: Anh TTN, tên gọi khác: Lùn, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn C xã BM, huyện TO, HN.

Nghề nghiệp: Công nhân về sinh môi trường

Tại phiên tòa các bên đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu khác chị NTH trình bày: Chị kết hôn với anh TTN trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BM, huyện TO, Tp.HN ngày 28/12/2015, tổ chức cưới theo phong tục địa phương, sau ngày cưới hai vợ chồng về chung sống ngay, thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cách sống, từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay anh, chị sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai, chị có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung TTH, sinh năm 2016 hiện tại con chung khỏe mạnh, khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu, còn nếu anh N có nguyện vọng được

nuôi con thì chị cũng đồng ý để anh N nuôi dưỡng, nếu có yêu cầu cấp nuôi con thì hiện tại chị đang khó khăn, sẽ trợ cấp sau. Còn nếu anh N không đồng ý thì chị xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh trợ cấp nuôi con chung.

- Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: không có

Phía bị đơn anh TTN trình bày: Anh và chị N kết hôn tự nguyện như chị N trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm; dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, từ tháng 10 năm 2021 vợ chồng sống ly thân, tình cảm vợ chồng đã hết anh cũng thống nhất thuận tình ly hôn để giải phóng cho cả hai.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu TTH, sinh năm 2016 con khỏe mạnh, khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu, và không yêu cầu cô Hậu trợ cấp nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng và vay nợ chung: Không có.

Tòa án tiến hành hòa giải và lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24/12/2021, đến ngày 31/12/2021 anh N làm đơn xin thay đổi ý kiến đối với sự thỏa thuận về việc không đồng ý ly hôn và đề nghị chị N trợ cấp nuôi con chung.

Do anh N có đơn xin thay đổi quan điểm ly hôn, việc nuôi con chung, thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đồng thời chị NTH cũng không đồng ý với sự thay đổi, nên Tòa án không ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa: Chị N vẫn giữ quan điểm ly hôn, về con chung chị có quan điểm nếu anh N nhận chăm sóc, nuôi dưỡng chị đồng ý và đề nghị xem xét về mức trợ cấp nuôi con chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện TO (Thẩm phán, Thư ký tòa án) đã thụ lý, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2015: Chấp nhận yêu cầu của chị NTH và anh N, ghi nhận sự thuận tình ly hôn.

Về con chung đề nghị: Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2015, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu TTH, sinh ngày 14/11/2016, hiện đang do anh N chăm sóc, nuôi dưỡng nên giao con chung cho anh tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc có yêu cầu khác thay đổi khác, Ghi nhận sự tự nguyện trợ cấp nuôi con chung của chị H, chị H được thăm hỏi, chăm sóc con chung theo quy định pháp luật. Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí trợ cấp nuôi con.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Chị NTH khởi kiện yêu cầu ly hôn anh TTN nên thuộc tranh chấp về Ly hôn theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh N có hộ khẩu thường trú tại: xã BM, huyện TO, thành phố HN nên thuộc thẩm quyền thụ lý của Tòa án nhân dân huyện TO, thành phố HN theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn: Hôn nhân giữa chị NTH và anh TTN được xây dựng trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BM ngày 28/12/2015 được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, từ tháng 10 năm 2021 vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay có yêu cầu ly hôn cần áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, anh N đồng ý ly hôn, xét việc thống nhất thuận tình ly hôn của các bên đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Theo khai nhận có 01 con chung là cháu TTH, sinh ngày 14/11/2016. Tòa án tiến hành hòa giải và lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24/12/2021, anh chị tự nguyện thống nhất thỏa thuận với nhau về việc nuôi con nhưng sau đó anh N có đơn gửi tòa án xin thay đổi ý kiến đối với sự thỏa thuận và đề nghị chị N trợ cấp nuôi con chung mỗi tháng 2 triệu đồng cho đến khi con chung 18 tuổi, tại phiên tòa chị H đồng ý để anh N được tiếp tục nuôi con chung nên cần tiếp tục giao cháu H cho anh N chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về trợ cấp nuôi con: Tại phiên tòa chị H tự nguyện trợ cấp nuôi con chung là 1.000.000(một triệu đồng)/tháng, tính từ tháng 1 năm 2022, anh N đồng ý, xét yêu cầu của chị H là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí ghi nhận trợ cấp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị NTH và anh TTN.

Về con chung: Giao anh TTN trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là TTH, sinh ngày 14/11/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về trợ cấp nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị NTH trợ cấp nuôi con chung: 1.000.000đồng(một triệu đồng)/ tháng, tính từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi về việc này.

Sau khi ly hôn chị NTH có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: chị NTH phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0053636 ngày 15 /12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO và 300.000 đồng án phí ghi nhận trợ cấp nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị NTH và bị đơn anh TTN có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HN;
- VKSND Huyện TO;
- Chi cục THADS TO;
- Các đương sự;
- UBND xã BM;
- Lưu Hồ Sơ .

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NTH